

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Phạm Thế Chính	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020)
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2020)
Ông Phạm Thế Chính	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2020)
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2020)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 11 năm 2020 là ông Phạm Thế Chính, từ ngày 1 tháng 12 năm 2020 đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Số: 1156/2021/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 3 năm 2020.



Lương Giang Thạch

Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

A blue ink signature of Trần Thị Xuân Tước.

Trần Thị Xuân Tước

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: N.4184-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.003.981.844.989	1.045.240.378.424
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	109.765.301.070	30.169.465.509
1. Tiền	111		965.301.070	2.059.465.509
2. Các khoản tương đương tiền	112		108.800.000.000	28.110.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.534.305.806	29.572.394.358
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.a	19.534.305.806	29.572.394.358
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		845.138.442.449	956.236.999.131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.290.979.516	31.050.198.677
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.692.622.512	6.753.797.512
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.a	260.869.778.943	152.369.443.331
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.a	560.422.280.597	775.324.919.933
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(12.137.219.119)	(9.261.360.322)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	26.996.853.527	26.969.736.134
1. Hàng tồn kho	141		26.996.853.527	26.969.736.134
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.546.942.137	2.291.783.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a	1.517.126	27.211.857
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		910.028.388	305.214.227
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.a	1.635.396.623	1.959.357.208
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.341.291.650.908	3.128.213.475.682
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		39.500.000.000	326.374.958.704
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.b	39.500.000.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.b	-	94.949.708.704
II. Tài sản cố định	220		1.043.334.013	1.412.084.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.043.334.013	1.412.084.705
- Nguyên giá	222		3.112.044.571	3.112.044.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.068.710.558)	(1.699.959.866)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	3.296.725.637.752	2.800.426.432.273
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10.a	2.484.118.823.206	2.016.398.823.206
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10.b	809.096.814.546	780.517.609.067
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.b	3.510.000.000	3.510.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.022.679.143	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b	4.022.679.143	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.345.273.495.897	4.173.453.854.106

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.713.167.715.470	1.541.672.277.644
I. Nợ ngắn hạn	310		1.098.989.435.821	779.512.570.756
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	174.869.102.020	182.124.859.998
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	464.212.009.928	465.416.342.055
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.b	213.897.037	193.059.408
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.059.407.011	4.783.741.678
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.a	157.661.254.794	80.134.149.559
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.a	299.252.493.151	45.113.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.271.880	1.747.418.058
II. Nợ dài hạn	330		614.178.279.649	762.159.706.888
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.b	98.771.529.649	81.514.387.963
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.b	515.406.750.000	680.645.318.925
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.632.105.780.427	2.631.781.576.462
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	2.632.105.780.427	2.631.781.576.462
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		81.310.130.378	69.610.184.378
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		618.590.251.953	629.965.993.988
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		397.461.275.988	366.192.617.814
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		221.128.975.965	263.773.376.174
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.345.273.495.897	4.173.453.854.106



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yên
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	344.686.364	11.210.331.164
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	454.565.992
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	344.686.364	10.755.765.172
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	593.897.741	9.533.830.051
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(249.211.377)	1.221.935.121
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	304.655.707.574	373.500.577.284
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	58.088.527.095	81.209.832.537
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.088.527.095	80.537.477.537
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.793.988.629	13.334.601.261
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		234.523.980.473	280.178.078.607
10. Thu nhập khác	31	VI.6	1.838.668.838	1.200.000.000
11. Chi phí khác	32	VI.7	2.363.732.346	2.252.813.433
12. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(525.063.508)	(1.052.813.433)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		233.998.916.965	279.125.265.174
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		233.998.916.965	279.125.265.174



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020		2019	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	233.998.916.965		279.125.265.174	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	368.750.692		383.105.865	
Các khoản dự phòng	03	2.850.828.670		7.048.790.333	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(304.655.707.574)		(372.828.222.284)	
Chi phí lãi vay	06	58.088.527.095		80.537.477.537	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.348.684.152)		(5.733.583.375)	
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.601.970.484		(4.175.037.075)	
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(27.117.393)		1.015.346.280	
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.207.324.625)		3.850.783.355	
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(3.996.984.412)		30.251.277	
Tiền lãi vay đã trả	14	(44.939.542.692)		(126.583.833.720)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.196.141.178)		(933.107.678)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(61.113.823.968)		(132.529.180.936)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(122.461.911.448)		(163.230.839.056)	
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	215.924.914.388		96.774.227.094	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(503.179.205.479)		(77.120.330.137)	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	692.950.655.842		249.274.480.448	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	283.234.453.303		105.697.538.349	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		2020	2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	808.141.300.319	5.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(719.240.376.093)	(31.088.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(231.425.718.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(142.524.793.774)	(26.088.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	79.595.835.561	(52.919.642.587)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	30.169.465.509	83.089.108.096
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	109.765.301.070	30.169.465.509



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại 3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,78%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 17 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 16).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp, xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang -Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên, QL 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên doanh				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên quan, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	965.301.070	2.059.465.509
Các khoản tương đương tiền	108.800.000.000	28.110.000.000
Cộng	109.765.301.070	30.169.465.509

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, trong đó bao gồm 15 tỷ đồng tiền gửi đang được dùng để bảo lãnh thực hiện công trình.

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
a. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	19.534.305.806	19.534.305.806	29.572.394.358	29.572.394.358
b. Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các bên liên quan (i)	3.780.751.531	3.281.596.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.945.801.731	2.945.801.731
Các khách hàng khác	11.518.945.513	13.777.319.674
Cộng	29.290.979.516	31.050.198.677
<i>(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.320.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431.312.458	431.312.458
Công ty CII	379.155.000	-
Cộng	3.780.751.531	3.281.596.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (i)	5.820.497.512	5.820.497.512
Nhà cung cấp khác	872.125.000	933.300.000
Cộng	6.692.622.512	6.753.797.512

(i) Khoản trả trước cho công ty Khánh An liên quan đến việc mua phần vốn góp của Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	-
Công ty CII (ii)	23.501.528.943	105.646.443.331
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (iii)	5.943.000.000	4.943.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iv)	-	39.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	2.280.000.000
Cộng	260.869.778.943	152.369.443.331
b. Phải thu dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iv)	39.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	-	231.425.250.000
Cộng	39.500.000.000	231.425.250.000
Cộng	300.369.778.943	383.794.693.331
Chi tiết phải thu về cho vay các bên liên quan		
Công ty CII (ii)	23.501.528.943	105.646.443.331
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iv)	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (iii)	5.943.000.000	4.943.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	2.280.000.000
Cộng	68.944.528.943	152.369.443.331

(i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận (doanh nghiệp án BOT Trung Lương Mỹ Thuận). Khoản này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Chi phí sử dụng vốn theo thỏa thuận giữa hai bên là 11%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.

(ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 với lãi suất được hưởng trong năm là 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY** (tiếp theo)

(ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận theo hợp đồng ký ngày 5 tháng 12 năm 2017, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 5 tháng 12 năm 2022, lãi suất áp dụng trong năm là 9,8%/năm.

(iii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII theo hợp đồng ký ngày 17 tháng 7 năm 2019 với thời hạn là 1 năm, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 17 tháng 7 năm 2021, lãi suất áp dụng trong năm là 9,5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	415.323.083.368	773.686.894.885
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	137.444.825.917	826.253.964
Các khoản chi hộ	27.149.471	164.549.243
Phải thu người lao động	77.350.000	77.350.000
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	7.535.871.841	555.871.841
	560.422.280.597	775.324.919.933
b. Phải thu dài hạn		
Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	-	94.949.708.704
	-	94.949.708.704
Cộng	560.422.280.597	870.274.628.637
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	415.323.083.368	773.686.894.885
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	143.763.543.894	137.121.622.086
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.875.266.352	182.696.744.422
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	92.993.770.603	375.178.025.858
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	78.690.502.519	78.690.502.519
Phải thu lãi từ các hợp đồng hỗ trợ vốn	544.175.307	361.978.540
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	544.175.307	77.158.736
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	284.819.804
Các khoản phải thu khác	7.080.000.000	100.000.000
Phải thu tạm góp vốn của Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	6.880.000.000	-
Khoản phải thu phụ cấp HĐTV của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	200.000.000	100.000.000
Cộng	422.947.258.675	774.148.873.425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14.275.556.991	3.008.137.872	(11.267.419.119)	9.287.236.118
Trả trước cho người bán ngắn hạn	869.800.000	-	(869.800.000)	19.800.000
Cộng	15.145.356.991	3.008.137.872	(12.137.219.119)	9.307.036.118
				45.675.796
				(9.241.560.322)
				(19.800.000)
				(9.261.360.322)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.885.553.527	-	26.858.436.134	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	25.207.545.926	-	25.207.545.926	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	1.678.007.601	-	1.650.890.208	-
Hàng hóa	111.300.000	-	111.300.000	-
Cộng	26.996.853.527	-	26.969.736.134	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
 Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác
 Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang
 Hàng hóa
Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	599.183.659	1.100.776.207	1.699.959.866
Khấu hao trong năm	76.441.456	292.309.236	368.750.692
Tại ngày 31/12/2020	675.625.115	1.393.085.443	2.068.710.558
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	255.575.997	1.156.508.708	1.412.084.705
Tại ngày 31/12/2020	179.134.541	864.199.472	1.043.334.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2020				01/01/2020			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	(i)	54.060.000	540.600.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	-	(i)		542.505.833.333	-	(i)
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	-	(i)	28.700.000	335.996.028.454	-	(i)
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	(i)		242.278.623.284	-	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	(i)	21.998.000	219.980.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiến		106.590.000.000	-			106.590.000.000	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.498.835	28.448.338.135	-	(i)	2.498.835	28.448.338.135	-	(i)
Cộng		2.484.118.823.206				2.016.398.823.206		
b. Đầu tư vào công ty liên doanh								
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.770	809.096.814.546	-	(i)	77.141.770	780.517.609.067	-	(i)
Cộng		809.096.814.546				780.517.609.067		

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên chưa được xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.517.126	27.211.857
b. Dài hạn		
Phí quản lý tài khoản ngân hàng	4.022.679.143	-

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (i)	160.248.212.872	160.248.212.872	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	9.427.804.089	9.427.804.089	10.381.323.089	10.381.323.089
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	10.590.000.000	10.590.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.193.085.059	2.193.085.059	2.380.235.107	2.380.235.107
Cộng	174.869.102.020	174.869.102.020	182.124.859.998	182.124.859.998

(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan

Công ty CII	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.474.911.070	1.474.911.070	-	-
Cộng	160.248.212.872	160.248.212.872	158.773.301.802	158.773.301.802

(i) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Khách hàng khác	1.361.629.928	2.565.962.055
Cộng	464.212.009.928	465.416.342.055

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty đang sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	437.267.068	-	20.698.000	457.965.068
Tiền thuế đất nộp thừa	344.658.585	344.658.585	-	-
Cộng	1.959.357.208	344.658.585	20.698.000	1.635.396.623
b. Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	193.059.408	832.773.796	811.936.167	213.897.037
Các khoản khác	-	84.657.771	84.657.771	-
Cộng	193.059.408	917.431.567	896.593.938	213.897.037

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	876.907.011	4.443.741.678
Chi phí phải trả khác	182.500.000	340.000.000
Cộng	1.059.407.011	4.783.741.678

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn		
Khoản nhận trước lợi nhuận (i)	126.281.500.895	54.681.500.895
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	6.079.713.566	-
Các khoản phải trả khác	311.690.333	464.298.664
	157.661.254.794	80.134.149.559
b. Phải trả dài hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	92.071.529.649	76.014.387.963
Các khoản thu hộ	6.700.000.000	5.500.000.000
	98.771.529.649	81.514.387.963
Cộng	256.432.784.443	161.648.537.522
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII	98.151.243.215	76.014.387.963
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	126.281.500.895	54.681.500.895
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Cộng	249.421.094.110	155.684.238.858

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của công ty con và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc		Giá trị có khả năng thanh toán		Giảm	
	VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng	Giảm	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Công ty CII	249.583.493.151	249.583.493.151	299.500.000.000	49.916.506.849	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>	49.669.000.000	49.669.000.000			45.113.000.000	45.113.000.000
Cộng	299.252.493.151	299.252.493.151	299.500.000.000	49.916.506.849	45.113.000.000	45.113.000.000
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	508.049.300.319	508.049.300.319	508.641.300.319	592.000.000	-	-
Công ty CII	57.026.449.681	57.026.449.681	-	328.682.300.319	385.708.750.000	385.708.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	-	-	-	340.049.568.925	340.049.568.925	340.049.568.925
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(49.669.000.000)	(49.669.000.000)			(45.113.000.000)	(45.113.000.000)
Cộng	515.406.750.000	515.406.750.000	508.641.300.319	669.323.869.244	680.645.318.925	680.645.318.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuế tài chính**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty CII	28.000.000.000	1 năm	13/04/2021	Lãi suất trong năm là 10,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo
	221.583.493.151	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo
	249.583.493.151					
Vay dài hạn						
Công ty CII	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	179.367.000.000	3 năm	25/10/2023	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,5%	Tái tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu. - Kỳ quỹ bằng tiền gửi 15.000.000.000 VND.
	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028		Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII ngày 13/04/2015	
	508.049.300.319					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	49.669.000.000	45.113.000.000
Trong năm thứ hai	52.870.000.000	101.669.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	208.854.449.681	578.976.318.925
Sau năm năm	253.682.300.319	-
Cộng	565.075.750.000	725.758.318.925
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(49.669.000.000)	(45.113.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	515.406.750.000	680.645.318.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	55.653.921.378	366.192.617.814	2.354.051.937.288
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	279.125.265.174	279.125.265.174
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.956.263.000	(13.956.263.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.395.626.000)	(1.395.626.000)
Tại ngày 31/12/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	69.610.184.378	629.965.993.988	2.631.781.576.462
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	233.998.916.965	233.998.916.965
Chia cổ tức	-	-	-	(231.425.718.000)	(231.425.718.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.699.946.000	(11.699.946.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.169.995.000)	(1.169.995.000)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.079.000.000)	(1.079.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	1.928.547.650.000	3.657.748.096	81.310.130.378	618.590.251.953	2.632.105.780.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 12% theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 15 tháng 6 năm 2020.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	344.686.364	1.449.160.959
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	-	9.761.170.205
Cộng	344.686.364	11.210.331.164
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	(454.565.992)
Doanh thu thuần	344.686.364	10.755.765.172
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	344.686.364	246.197.914
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	1.200.000.000
Cộng	344.686.364	1.446.197.914

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	593.897.741	227.703.642
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	-	9.306.126.409
Cộng	593.897.741	9.533.830.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2020 VND	2019 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	246.136.188.483	312.739.453.760
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.519.519.091	60.761.123.524
Cộng	304.655.707.574	373.500.577.284

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	246.136.188.483	312.739.453.760
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	120.715.744.745	170.144.952.449
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	85.741.921.808	76.829.489.286
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	39.678.521.930	65.765.012.025
Lãi hỗ trợ vốn	13.235.315.886	11.498.007.161
Công ty CII	8.534.049.430	6.347.988.258
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	3.935.516.665	4.842.152.775
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	203.081.333	214.267.114
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	544.175.307	93.599.014
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	18.493.151	-
Cộng	259.371.504.369	324.237.460.921

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	58.088.527.095	80.537.477.537
Lỗ do giải thể công ty con	-	672.355.000
Cộng	58.088.527.095	81.209.832.537

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	16.799.312.221	41.031.434.520
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	20.958.904
Cộng	16.799.312.221	41.052.393.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.214.467.983	4.418.009.262
Chi phí đồ dùng văn phòng	217.454.608	272.689.372
Chi phí khấu hao	40.594.452	45.586.425
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.850.828.670	7.048.790.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.440.374.860	484.500.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.030.268.056	1.065.025.869
Cộng	11.793.988.629	13.334.601.261
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	2.068.391.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	444.536.800	635.674.709
Cộng	2.512.927.800	635.674.709

6. THU NHẬP KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập từ cho thuê xe	1.200.000.000	1.200.000.000
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	638.668.838	-
Cộng	1.838.668.838	1.200.000.000
<i>Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	600.000.000	600.000.000
Cộng	1.200.000.000	1.200.000.000

7. CHI PHÍ KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Phạt vi phạm hợp đồng trả nợ vay trước hạn	1.646.272.883	-
Chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê xe	717.459.463	779.393.207
Chi phí khác	-	1.473.420.226
Cộng	2.363.732.346	2.252.813.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	233.998.916.965	279.125.265.174
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	2.145.775.226
Cổ tức, lợi nhuận được chia	<u>(246.136.188.483)</u>	<u>(312.739.453.760)</u>
Thu nhập chịu thuế	(12.137.271.518)	(31.468.413.360)
Thu nhập tính thuế	(12.137.271.518)	(31.468.413.360)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Ngày 5 tháng 11 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ("NĐ 132") thay thế Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Trong đó quy định tổng lãi tiền vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của EBITDA. NĐ 132 có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2020 và cho phép các doanh nghiệp áp dụng hồi tố cho các năm 2017, 2018 và 2019. Phần chênh lệch giữa số thuế phát sinh khi áp dụng NĐ 132 so với NĐ 20 được phép giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020.

Việc áp dụng NĐ 132 làm cho khoản lỗ tính thuế được điều chỉnh bổ sung cho các năm 2017, 2018 và 2019 là 123.459.546.830 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. DANH SÁCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)		
Lợi nhuận được chia trong năm	126.751.922.400	-
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	378.598.807.168	462.850.380.000
Thanh toán lãi vay hỗ trợ vốn	83.493.151	92.291.152.782
Nhận trước tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	462.850.380.000
Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	160.937.503.177
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	120.500.000.000	145.400.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	202.644.914.388	86.274.227.094
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	402.900.000.000	-
Góp vốn trong năm	402.900.000.000	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	27.000.000.000	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	27.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận thanh toán cổ tức	122.500.000.000	65.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	10.500.000.000
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền góp vốn	64.820.000.000	76.470.000.000
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Nhận thanh toán cổ tức	79.100.000.000	42.855.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	71.600.000.000	38.651.573.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. DANH SÁCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	907.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	2.280.000.000	-

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	1.000.000.000	4.943.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm

Họ và tên	Chức vụ	2020 VND	2019 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/12/2020)	885.347.584	641.431.101
Ông Phạm Thế Chỉnh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/12/2020)	1.371.897.846	1.363.535.495
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	829.762.876	830.664.800
Cộng		3.087.008.306	2.835.631.396

Thù lao đã chi trả cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm

Họ và tên	Chức vụ	2020 VND	2019 VND
-----------	---------	-------------	-------------

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	161.850.000	-
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	129.480.000	-
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	107.900.000	-
Ông Dương Trường Hải	Thành viên	107.900.000	-
Ông Phạm Thế Chỉnh	Thành viên	71.933.333	-
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	71.933.333	-
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	71.933.333	-
Cộng		722.929.999	-

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát	86.320.000	-
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	64.740.000	-
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/06/2020)	-	-
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/06/2020)	43.160.000	-
Cộng		194.220.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	2020 VND	2019 VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	474.600.000.000	76.470.000.000
Chi đầu tư vào công ty liên doanh	28.579.205.479	650.330.137
	503.179.205.479	77.120.330.137
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	508.641.300.319	-
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	299.500.000.000	5.000.000.000
	808.141.300.319	5.000.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	340.641.568.925	26.088.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	378.598.807.168	467.850.380.000
	719.240.376.093	493.938.380.000

3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021